

PHỤ LỤC

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
A	B	1	2	3	4	
TỔNG CỘNG		45.595	39.646	3.966	1.983	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4.481	3.896	390	195	
1	Ba Trang	404	351	35	18	
2	Ba Khâm	157	136	14	7	
3	Ba Liên	88	76	8	4	
4	Ba Thành	174	151	15	8	
5	Ba Điền	112	97	10	5	
6	Ba Vinh	105	91	9	5	
7	Ba Nam	134	116	12	6	
8	Ba Lễ	291	254	25	12	
9	Ba Bích	122	106	11	5	
10	Ba Tô	404	352	35	17	
11	Ba Dinh	199	173	17	9	
12	Ba Giang	266	232	23	11	
13	Ba Ngạc	163	142	14	7	
14	Ba Xa	596	518	52	26	
15	Ba Tiêu	420	365	37	18	
16	TT Ba Tơ	194	169	17	8	
17	Ba Vi	545	474	47	24	
18	Ba Cung	107	93	9	5	
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	361	314	31	16	
1	Ba Tô	121	105	10,50	5,50	
2	Ba Xa	119	104	10,00	5,00	
3	Ba Trang	121	105	10,50	5,50	
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	28.568	24.839	2.485	1.244	
I	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	13.258	11.528	1.153	577	
1	Ba Trang	3.233	2.811	281	141	
2	Ba Khâm	516	449	45	22	
3	Ba Liên	-	-	-	-	
4	Ba Thành	165	144	14	7	
5	Ba Điền	1.080	939	94	47	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
6	Ba Vinh	358	311	31	16	
7	Ba Nam	1.879	1.634	163	82	
8	Ba Lễ	1.547	1.345	135	67	
9	Ba Bích	1.894	1.647	165	82	
10	Ba Tô	190	165	17	8	
11	Ba Dinh	91	79	8	4	
12	Ba Giang	453	394	39	20	
13	Ba Ngạc	252	219	22	11	
14	Ba Xa	1.292	1.123	112	57	
15	Ba Tiêu	138	120	12	6	
16	TT Ba Tơ	-	-	-	-	
17	Ba Vì	170	148	15	7	
18	Ba Cung	-	-	-	-	
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	15.310	13.311	1.332	667	
	* Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	-	-	-		
	* Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	15.310	13.311	1.332	667	
1	Ba Trang	1.008	876	88	44	
2	Ba Khâm	1.012	880	88	44	
3	Ba Liên	921	801	80	40	
4	Ba Thành	1.013	881	88	44	
5	Ba Điền	940	817	82	41	
6	Ba Vinh	1.044	908	91	45	
7	Ba Nam	970	844	84	42	
8	Ba Lễ	1.015	883	88	44	
9	Ba Bích	965	839	84	42	
10	Ba Tô	944	821	82	41	
11	Ba Dinh	959	834	83	42	
12	Ba Giang	1.085	944	94	47	
13	Ba Ngạc	953	828	83	42	
14	Ba Xa	1.008	876	88	44	
15	Ba Tiêu	997	866	87	44	
16	TT Ba Tơ	317	275	28	14	
17	Ba Vì	159	138	14	7	
18	Ba Cung	-	-	-	-	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	4.005	3.486	348	171	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	4.005	3.486	348	171	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	Ba Trang	226	196	20	10	
2	Ba Khâm	807	702	70	35	
3	Ba Liên	-	-	-	-	
4	Ba Thành	220	192	19	9	
5	Ba Điền	-	-	-	-	
6	Ba Vinh	83	73	7	3	
7	Ba Nam	173	151	15	7	
8	Ba Lễ	599	521	52	26	
9	Ba Bích	415	361	36	18	
10	Ba Tô	213	186	19	8	
11	Ba Dinh	-	-	-	-	
12	Ba Giang	229	199	20	10	
13	Ba Ngạc	119	104	10	5	
14	Ba Xa	484	421	42	21	
15	Ba Tiêu	437	380	38	19	
16	TT Ba Tơ	-	-	-	-	
17	Ba Vì	-	-	-	-	
18	Ba Cung	-	-	-	-	
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.369	1.191	119	59	
I	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ	749	652	65	32	
1	Thị trấn Ba Tơ	187,25	163	16,25	8	
2	Ba Trang	187,25	163	16,25	8	
3	Ba Giang	187,25	163	16,25	8	
4	Ba Xa	187,25	163	16,25	8	
II	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	-	-	-	-	
III	Tiểu dự án 3: phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm	620	539	54	27	
1	Ba Trang	32,5	28	3	1,5	
2	Ba Khâm	32,5	28	3	1,5	
3	Ba Liên	26,0	23	2	1,0	
4	Ba Thành	32,5	28	3	1,5	
5	Ba Điền	32,5	28	3	1,5	
6	Ba Vinh	32,5	28	3	1,5	
7	Ba Nam	32,5	28	3	1,5	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
8	Ba Lẽ	32,5	28	3	1,5	
9	Ba Bích	32,5	28	3	1,5	
10	Ba Tô	47,0	41	4	2,0	
11	Ba Dinh	38,5	34	3	1,5	
12	Ba Giang	32,5	28	3	1,5	
13	Ba Ngạc	32,5	28	3	1,5	
14	Ba Xa	43,5	39	3	1,5	
15	Ba Tiêu	32,5	28	3	1,5	
16	TT Ba Tơ	42,5	38	3	1,5	
17	Ba Vì	32,5	28	3	1,5	
18	Ba Cung	32,5	28	3	1,5	
IV	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	-	-	-	-	-
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	752	653	66	33	
1	Ba Trang	47	41	4	2	
2	Ba Khâm	36	32	3	1	
3	Ba Liên	24	21	2	1	
4	Ba Thành	63	54	6	3	
5	Ba Điền	27	24	2	1	
6	Ba Vinh	59	52	5	2	
7	Ba Nam	45	39	4	2	
8	Ba Lẽ	33	29	3	1	
9	Ba Bích	38	33	3	2	
10	Ba Tô	67	58	6	3	
11	Ba Dinh	41	35	4	2	
12	Ba Giang	30	26	3	1	
13	Ba Ngạc	37	32	3	2	
14	Ba Xa	42	36	4	2	
15	Ba Tiêu	36	31	3	2	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
16	TT Ba Tơ	43	37	4	2	
17	Ba Vì	48	42	4	2	
18	Ba Cung	36	31	3	2	
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	1.793	1.559	156	78	
1	Ba Trang	110,4	96,0	9,6	4,8	
2	Ba Khâm	110,4	96,0	9,6	4,8	
3	Ba Liên	110,4	96,0	9,6	4,8	
4	Ba Thành	110,4	96,0	9,6	4,8	
5	Ba Điền	110,4	96,0	9,6	4,8	
6	Ba Vinh	110,4	96,0	9,6	4,8	
7	Ba Nam	110,4	96,0	9,6	4,8	
8	Ba Lễ	110,4	96,0	9,6	4,8	
9	Ba Bích	110,4	96,0	9,6	4,8	
10	Ba Tô	110,4	96,0	9,6	4,8	
11	Ba Dinh	110,4	96,0	9,6	4,8	
12	Ba Giang	110,4	96,0	9,6	4,8	
13	Ba Ngạc	110,4	96,0	9,6	4,8	
14	Ba Xa	110,4	96,0	9,6	4,8	
15	Ba Tiêu	110,4	96,0	9,6	4,8	
16	TT Ba Tơ	34,5	30,0	3,0	1,5	
17	Ba Vì	68,0	59,0	6,0	3,0	
18	Ba Cung	34,5	30,0	3,0	1,5	
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.910	1.661	166	83	
1	Ba Trang	115	100	10	5	
2	Ba Khâm	115	100	10	5	
3	Ba Liên	115	100	10	5	
4	Ba Thành	115	100	10	5	
5	Ba Điền	115	100	10	5	
6	Ba Vinh	115	100	10	5	
7	Ba Nam	115	100	10	5	
8	Ba Lễ	115	100	10	5	
9	Ba Bích	115	100	10	5	
10	Ba Tô	115	100	10	5	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
11	Ba Đình	115	100	10	5	
12	Ba Giang	115	100	10	5	
13	Ba Ngạc	115	100	10	5	
14	Ba Xa	115	100	10	5	
15	Ba Tiêu	115	100	10	5	
16	TT Ba Tơ	161	140	14	7	
17	Ba Vì	24	21	2	1	
18	Ba Cung	-	-	-	-	
	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	489,50	425,00	43,00	21,50	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-	-	-		
II	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	489,50	425,00	43,00	21,50	
1	Ba Trang	13,5	12,0	1,0	0,5	
2	Ba Khâm	38,5	34,0	3,0	1,5	
3	Ba Liên	7,5	6,0	1,0	0,5	
4	Ba Thành	7,5	6,0	1,0	0,5	
5	Ba Điền	13,6	12,0	1,0	0,6	
6	Ba Vinh	13,6	12,0	1,0	0,6	
7	Ba Nam	11,5	10,0	1,0	0,5	
8	Ba Lễ	18,0	15,0	2,0	1,0	
9	Ba Bích	7,3	6,0	1,0	0,3	
10	Ba Tô	101,0	89,0	8,0	4,0	
11	Ba Đình	10,5	9,0	1,0	0,5	
12	Ba Giang	54,4	47,0	5,0	2,4	
13	Ba Ngạc	54,4	47,0	5,0	2,4	
14	Ba Xa	66,0	57,0	6,0	3,0	
15	Ba Tiêu	22,0	19,0	2,0	1,0	
16	TT Ba Tơ	0,0	0,0	0,0	0,0	
17	Ba Vì	50,2	44,0	4,0	2,2	
18	Ba Cung	0,0	0,0	0,0	0,0	
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.866,5	1.622,0	162,0	82,5	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
I	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	1.324,5	1.152,0	115,0	57,5	
1	Ba Trang	76,5	66	7	3,5	
2	Ba Khâm	61,5	54	5	2,5	
3	Ba Liên	53,0	47	4	2,0	
4	Ba Thành	69,0	60	6	3,0	
5	Ba Điền	69,0	60	6	3,0	
6	Ba Vinh	104,5	91	9	4,5	
7	Ba Nam	61,5	54	5	2,5	
8	Ba Lễ	69,0	60	6	3,0	
9	Ba Bích	76,5	66	7	3,5	
10	Ba Tô	90,0	78	8	4,0	
11	Ba Dinh	82,5	72	7	3,5	
12	Ba Giang	61,5	54	5	2,5	
13	Ba Ngạc	69,0	60	6	3,0	
14	Ba Xa	90,0	78	8	4,0	
15	Ba Tiêu	69,0	60	6	3,0	
16	TT Ba Tơ	76,5	66	7	3,5	
17	Ba Vi	76,5	66	7	3,5	
18	Ba Cung	69,0	60	6	3,0	
II	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	264,2	229,0	23,0	12,2	
1	Ba Trang	17,3	15,0	1,5	0,8	
2	Ba Khâm	17,3	15,0	1,5	0,8	
3	Ba Liên	17,3	15,0	1,5	0,8	
4	Ba Thành	17,3	15,0	1,5	0,8	
5	Ba Điền	17,3	15,0	1,5	0,8	
6	Ba Vinh	17,3	15,0	1,5	0,8	
7	Ba Nam	17,3	15,0	1,5	0,8	
8	Ba Lễ	17,3	15,0	1,5	0,8	
9	Ba Bích	17,3	15,0	1,5	0,8	
10	Ba Tô	17,3	15,0	1,5	0,8	
11	Ba Dinh	17,3	15,0	1,5	0,8	
12	Ba Giang	17,3	15,0	1,5	0,8	
13	Ba Ngạc	17,3	15,0	1,5	0,8	
14	Ba Xa	17,3	15,0	1,5	0,8	
15	Ba Tiêu	17,3	15,0	1,5	0,8	
16	TT Ba Tơ	4,7	4,0	0,5	0,2	
17	Ba Vi	0,0	0,0	0,0	0,0	
18	Ba Cung	0,0	0,0	0,0	0,0	
III	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	277,8	241	24	12,8	

Stt	Dự án/đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025				Ghi chú
		Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	Ba Trang	17,3	15	2	0,8	
2	Ba Khâm	17,3	15	2	0,8	
3	Ba Liên	17,3	15	2	0,8	
4	Ba Thành	17,3	15	2	0,8	
5	Ba Điền	17,3	15	2	0,8	
6	Ba Vinh	17,3	15	2	0,8	
7	Ba Nam	17,3	15	2	0,8	
8	Ba Lễ	17,3	15	2	0,8	
9	Ba Bích	17,3	15	2	0,8	
10	Ba Tô	17,3	15	2	0,8	
11	Ba Dinh	17,3	15	2	0,8	
12	Ba Giang	17,3	15	2	0,8	
14	Ba Xa	17,3	15	2	0,8	
15	Ba Tiêu	17,3	15	2	0,8	
16	TT Ba Tơ	4,7	4	1	0,2	
17	Ba Vi	8,9	8	1	0,4	
18	Ba Cung	4,7	4	1	0,2	

PHỤ LỤC 1.1

**CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025**

DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

DVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp				Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề		Hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
TỔNG CỘNG		326	32,60	2.960	88,80	121,40	4.481	3.896	390	195
1	Ba Trang	35	3,50	247	7,41	10,91	404	351	35	18
2	Ba Khâm	-	-	141	4,23	4,23	157	136	14	7
3	Ba Liên	10	1,00	45	1,35	2,35	88	76	8	4
4	Ba Thành	-	-	156	4,68	4,68	174	151	15	8
5	Ba Điền	6	0,60	80	2,40	3,00	112	97	10	5
6	Ba Vinh	-	-	94	2,82	2,82	105	91	9	5
7	Ba Nam	-	-	120	3,60	3,60	134	116	12	6
8	Ba Lễ	22	2,20	190	5,70	7,90	291	254	25	12
9	Ba Bích	16	1,60	57	1,71	3,31	122	106	11	5
10	Ba Tô	32	3,20	259	7,77	10,97	404	352	35	17
11	Ba Dinh	-	-	180	5,40	5,40	199	173	17	9

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp					Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề		Hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
12	Ba Giang	23	2,30	165	4,95	7,25	266	232	23	11
13	Ba Ngạc	-	-	148	4,44	4,44	163	142	14	7
14	Ba Xa	-	-	539	16,17	16,17	596	518	52	26
15	Ba Tiêu	55	5,50	196	5,88	11,38	420	365	37	18
16	TT Ba Tơ	6	0,60	156	4,68	5,28	194	169	17	8
17	Ba Vì	112	11,20	120	3,60	14,80	545	474	47	24
18	Ba Cung	9	0,90	67	2,01	2,91	107	93	9	5

PHỤ LỤC 1.2

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

DVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp				Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng		Dự án có quy mô vốn sự nghiệp trên 10 triệu đồng		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm					
TỔNG CỘNG			-	3	0,30	0,30	361	314	31	16
1	Ba Tô			1	0,10	0,10	121	105	10,50	5,5
2	Ba Xa			1	0,10	0,10	119	104	10,00	5
3	Ba Trang			1	0,10	0,10	121	105	10,50	5,5

PHỤ LỤC 1.3

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG,
THỂ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN ĐỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

TIÊU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG,
THỂ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN ĐỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp												Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý		Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình		Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung		Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ		Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ		Mỗi tấn gạo trợ cấp cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
																Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
		Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm					
	TỔNG CỘNG	142	0,6	8.779,00	35,12		-	-	-		-	1.085,00	130,20	165,88	13.258	11.528	1.153	577
1	Ba Trang		-	1.619,48	6,48				-			283	33,96	40,44	3.233	2.811	281	141
2	Ba Khâm		-	70,44	0,28				-			51,48	6,18	6,46	516	449	45	22
3	Ba Liên		-		-				-				-	-	-	-	-	-
4	Ba Thành		-	202,55	0,81				-			10,44	1,25	2,06	165	144	14	7
5	Ba Điền		-	1.748,05	6,99				-			54,36	6,52	13,52	1.080	939	94	47
6	Ba Vinh		-	212,74	0,85				-			30,15	3,62	4,47	358	311	31	16

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp													Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý		Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình		Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung		Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ		Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ		Mỗi tấn gạo trợ cấp cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
																Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
		Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm	Số lượng	Số điểm					
7	Ba Nam	142	0,6	1.946,00	7,78				-			126,36	15,16	23,52	1.879	1.634	163	82
8	Ba Lễ		-	1.115,31	4,46				-			123,84	14,86	19,32	1.547	1.345	135	67
9	Ba Bích		-	553,43	2,21				-			179,11	21,49	23,71	1.894	1.647	165	82
10	Ba Tô		-	219,56	0,88				-			12,51	1,50	2,38	190	165	17	8
11	Ba Dinh		-	91,03	0,36				-			6,48	0,78	1,14	91	79	8	4
12	Ba Giang		-	205,47	0,82				-			40,50	4,86	5,68	453	394	39	20
13	Ba Ngạc		-		-				-			26,28	3,15	3,15	252	219	22	11
14	Ba Xa		-	789,65	3,16				-			108,45	13,01	16,17	1.292	1.123	112	57
15	Ba Tiêu		-	2,65	0,01				-			14,31	1,72	1,73	138	120	12	6
16	TT Ba Tơ		-		-				-				-	-	-	-	-	-
17	Ba Vi		-	2,64	0,01				-			17,73	2,13	2,14	170	148	15	7
18	Ba Cung		-		-				-				-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC 1.4

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG,
THỂ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

TIỂU DỰ ÁN 2: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ, VÙNG TRỒNG DƯỠC LIỆU QUÝ,
THÚC ĐẨY KHỞI SỰ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp								Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Xã đặc biệt khó khăn		Xã ĐBKK đồng thời là xã An toàn khu		Tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn		Thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
												Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
TỔNG CỘNG		15	420,0	3	6,00	290,96	43,64	3	15,00	484,64	15.310	13.311	1.332	667
1	Ba Trang	1	28,0		-	26,00	3,90		-	31,90	1.008	876	88	44
2	Ba Khâm	1	28,0		-	26,81	4,02		-	32,02	1.012	880	88	44
3	Ba Liên	1	28,0		-	7,87	1,18		-	29,18	921	801	80	40
4	Ba Thành	1	28,0	1	2,00	14,01	2,10		-	32,10	1.013	881	88	44
5	Ba Điền	1	28,0		-	11,54	1,73		-	29,73	940	817	82	41
6	Ba Vinh	1	28,0	1	2,00	20,50	3,08		-	33,08	1.044	908	91	45
7	Ba Nam	1	28,0		-	18,25	2,74		-	30,74	970	844	84	42
8	Ba Lễ	1	28,0		-	27,90	4,19		-	32,19	1.015	883	88	44
9	Ba Bích	1	28,0		-	17,12	2,57		-	30,57	965	839	84	42
10	Ba Tô	1	28,0		-	12,72	1,91		-	29,91	944	821	82	41
11	Ba Dinh	1	28,0		-	15,65	2,35		-	30,35	959	834	83	42
12	Ba Giang	1	28,0	1	2,00	28,94	4,34		-	34,34	1.085	944	94	47
13	Ba Ngạc	1	28,0		-	14,22	2,13		-	30,13	953	828	83	42

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp									Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Xã đặc biệt khó khăn		Xã ĐBKK đồng thời là xã An toàn khu		Tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn		Thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
14	Ba Xa	1	28,0		-	25,92	3,89		-	31,89	1.008	876	88	44
15	Ba Tiêu	1	28,0		-	23,51	3,53		-	31,53	997	866	87	44
16	TT Ba Tư		-		-		-	2,00	10,00	10,00	317	275	28	14
17	Ba Vi		-		-		-	1,00	5,00	5,00	159	138	14	7
18	Ba Cung		-		-		-		-	-	-	-	-	

PHỤ LỤC 1.5

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG
BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG CỦA LĨNH VỰC DÂN TỘC

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn													Tổng KP năm 2022, 2023, 2024, 2025 theo định mức	KP thực phân bổ năm 2022, 2023, 2024	KP thực phân bổ năm 2025				Chênh lệch giữa Kp theo định mức và thực phân bổ giai đoạn 2022- 2025
		Xã đặc biệt khó khăn		Xã ATK thuộc khu vực II, I		Xã ĐBKК đồng thời là xã ATK		Thôn ĐBKК không thuộc xã khu vực III		Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi		Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKК		Tổng cộng điểm			Tổng cộng	Trong đó			
																		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
		Số lượng	Tổng số điểm = (Số lượng * 9)	Số lượng	Tổng số điểm = (Số lượng * 8)	Số lượng	Tổng số điểm = (Số lượng * 10)	Số lượng	Tổng số điểm = (Số lượng * 15)	Số lượng	Tổng số điểm = (Số lượng *8)	Số lượng	Tổng số điểm = (Số lượng * 0,3)								
*	TỔNG CỘNG	15	135	1	8	3	3	3	5	-	-	290,96	87,29	238,69	17.873	13.868	4.005	3.486,00	348,00	171,00	0
1	Ba Trang	1	9,00									26,00	7,80	16,80	1.269	982	226	196	20	10	
2	Ba Khâm	1	9,00									26,81	8,04	17,04	1.342	472	807	702	70	35	
3	Ba Liên	1	9,00									7,87	2,36	11,36	829	968	0	0	0	0	
4	Ba Thành	1	9,00			1	1,00					14,01	4,20	14,20	1.001	729	220	192	19	9	
5	Ba Điền	1	9,00									11,54	3,46	12,46	1.001	1169	0	0	0	0	
6	Ba Vinh	1	9,00			1	1,00					20,50	6,15	16,15	1.125	982	83	73	7	3	
7	Ba Nam	1	9,00									18,25	5,48	14,48	1.148	922	173	151	15	7	
8	Ba Lễ	1	9,00									27,90	8,37	17,37	1.287	624	599	521	52	26	
9	Ba Bích	1	9,00									17,12	5,14	14,14	1.085	618	415	361	36	18	
10	Ba Tô	1	9,00									12,72	3,82	12,82	930	671	213	186	19	8	
11	Ba Dinh	1	9,00									15,65	4,70	13,70	958	1028	0	0	0	0	
12	Ba Giang	1	9,00			1	1,00					28,94	8,68	18,68	1.460	1164	229	199	20	10	
13	Ba Ngạc	1	9,00									14,22	4,27	13,27	1.077	909	119	104	10	5	
14	Ba Xa	1	9,00									25,92	7,78	16,78	1.276	730	484	421	42	21	
15	Ba Tiêu	1	9,00									23,51	7,05	16,05	1.210	715	437	380	38	19	
16	TT Ba Tơ			1	8,00			2	3,60				-	11,60	757	993	0	0	0	0	
17	Ba Vì							1	1,80				-	1,80	118	192	0	0	0	0	

PHỤ LỤC 1.6

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

TIÊU DỰ ÁN 1: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, CÙNG CỐ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ,TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ HỌC SINH Ở BÁN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

DVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp								Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Mỗi người học xoá mù chữ		Mỗi lớp học xoá mù chữ		Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học		Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
												Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm							
TỔNG CỘNG								4	2.000	2000	749,00	652	65	32
1	Thị trấn Ba Tơ							1	500	500	187,25	163	16,25	8
2	Ba Trang							1	500	500	187,25	163	16,25	8
3	Ba Giang							1	500	500	187,25	163	16,25	8
4	Ba Xa							1	500	500	187,25	163	16,25	8

PHỤ LỤC 1.7

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

TIÊU DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

DVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp			Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Học viên được đào tạo nghề		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
TỔNG CỘNG		660	23,10	23,1	620	539	54	27
1	Ba Trang	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
2	Ba Khâm	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
3	Ba Liên	25	0,88	0,88	26,0	23	2	1,0
4	Ba Thành	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
5	Ba Điền	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
6	Ba Vinh	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
7	Ba Nam	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
8	Ba Lễ	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
9	Ba Bích	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
10	Ba Tô	48	1,68	1,68	47,0	41	4	2,0
11	Ba Dinh	40	1,40	1,40	38,5	34	3	1,5
12	Ba Giang	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
13	Ba Ngạc	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp			Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Học viên được đào tạo nghề		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
14	Ba Xa	47	1,65	1,65	43,5	39	3	1,5
15	Ba Tiêu	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
16	TT Ba Tơ	45	1,58	1,58	42,5	38	3	1,5
17	Ba Vì	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5
18	Ba Cung	35	1,23	1,23	32,5	28	3	1,5

PHỤ LỤC 1.8

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DTTS GẦN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp																						Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số		Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể		Hỗ trợ môi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền		Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền đạy, câu lạc bộ		Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống		Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số		Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống		Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số		Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số		Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số ⁽²⁾		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
																										Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm							
TỔNG CỘNG		7	70,0	4	14,00	5	3,00	84	168	84	42,00	2	40,00	50	500,00	63	189,00	18	5,40	84	25,20	1,00	5,00	1.061,60	752	653	66	33
1	Ba Trang	1	10,0		-		-	5	10	5	2,50		-	3	30,00	4	12,00	1	0,30	5	1,50		-	66,30	47	41	4	2
2	Ba Khâm		-		-		-	3	6	3	1,50		-	3	30,00	4	12,00	1	0,30	3	0,90		-	50,70	36	32	3	1
3	Ba Liên		-		-		-	2	4	2	1,00		-	2	20,00	3	9,00	1	0,30	2	0,60		-	34,90	24	21	2	1
4	Ba Thành	1	10,0	1	3,50	1	0,60	4	8	4	2,00	1	20,00	3	30,00	4	12,00	1	0,30	4	1,20	0,125	0,63	88,23	63	54	6	3
5	Ba Diên		-		-		-	4	8	4	2,00		-	2	20,00	3	9,00	1	0,30	4	1,20		-	40,50	27	24	2	1
6	Ba Vinh	1	10,0	1	3,50	3	1,80	9	18	9	4,50		-	3	30,00	4	12,00	1	0,30	9	2,70	0,250	1,25	84,05	59	52	5	2
7	Ba Nam	1	10,0	1	3,50		-	3	6	3	1,50		-	3	30,00	3	9,00	1	0,30	3	0,90			61,20	45	39	4	2
8	Ba Lễ		-		-		-	4	8	4	2,00		-	3	30,00	3	9,00	1	0,30	4	1,20		-	50,50	33	29	3	1
9	Ba Bích	1	10,0		-		-	5	10	5	2,50		-	2	20,00	3	9,00	1	0,30	5	1,50		-	53,30	38	33	3	2
10	Ba Tô	1	10,0	1	3,50		-	7	14	7	3,50	1	20,00	3	30,00	4	12,00	1	0,30	7	2,10		-	95,40	67	58	6	3
11	Ba Dinh		-		-		-	6	12	6	3,00		-	3	30,00	3	9,00	1	0,30	6	1,80		-	56,10	41	35	4	2
12	Ba Giang		-		-		-	3	6	3	1,50		-	2	20,00	4	12,00	1	0,30	3	0,90		-	40,70	30	26	3	1
13	Ba Ngạc		-		-		-	4	8	4	2,00		-	3	30,00	4	12,00	1	0,30	4	1,20		-	53,50	37	32	3	2
14	Ba Xa		-		-		-	7	14	7	3,50		-	3	30,00	3	9,00	1	0,30	7	2,10		-	58,90	42	36	4	2
15	Ba Tiêu		-		-		-	4	8	4	2,00		-	3	30,00	3	9,00	1	0,30	4	1,20		-	50,50	36	31	3	2
16	TT Ba Tư		-		-		-	5	10	5	2,50		-	3	30,00	4	12,00	1	0,30	5	1,50	0,625	3,12	59,42	43	37	4	2
17	Ba Vi	1	10,0		-	1	0,60	5	10	5	2,50		-	3	30,00	4	12,00	1	0,30	5	1,50		-	66,90	48	42	4	2
18	Ba Cung		-		-		-	4	8	4	2,00		-	3	30,00	3	9,00	1	0,30	4	1,20		-	50,50	36	31	3	2

DVT: triệu đồng

PHỤ LỤC 1.9
CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025
DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG,
TÀM VÓC NGƯỜI DTTS; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp						Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Xã khu vực III		Xã khu vực II		Xã khu vực I		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
										Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm					
TỔNG CỘNG		15	750,0	1	30,0	2	30,0	810	1.793	1.559	156	78
1	Ba Trang	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
2	Ba Khâm	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
3	Ba Liên	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
4	Ba Thành	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
5	Ba Điền	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
6	Ba Vinh	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
7	Ba Nam	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
8	Ba Lễ	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
9	Ba Bích	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
10	Ba Tô	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
11	Ba Dinh	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
12	Ba Giang	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
13	Ba Ngạc	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
14	Ba Xa	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8
15	Ba Tiêu	1	50,0		-		-	50,0	110,4	96	9,6	4,8

Stt	Đơn vị	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp							Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Xã khu vực III		Xã khu vực II		Xã khu vực I		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
16	TT Ba Tơ				-	1	15,0	15,0	34,5	30	3,0	1,5
17	Ba Vì			1	30,0		-	30,0	68,0	59	6,0	3
18	Ba Cung				-	1	15,0	15,0	34,5	30	3,0	1,5

PHỤ LỤC 1.10
CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025
DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM
(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

DVT: triệu đồng

Stt	Huyện	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp				Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Xã ĐBKk, xã ATK thuộc khu vực II, I		thôn ĐBKk không thuộc xã khu vực III		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
TỔNG CỘNG		16	160,0	3	6,0	166,0	1.910	1.661	166	83
1	Ba Trang	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
2	Ba Khâm	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
3	Ba Liên	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
4	Ba Thành	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
5	Ba Điền	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
6	Ba Vinh	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
7	Ba Nam	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
8	Ba Lễ	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
9	Ba Bích	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
10	Ba Tô	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
11	Ba Đình	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
12	Ba Giang	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
13	Ba Ngạc	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
14	Ba Xá	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5
15	Ba Tiêu	1	10,0		-	10,0	115	100	10	5

Stt	Huyện	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp				Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Xã ĐBKK, xã ATK thuộc khu vực II, I		thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
16	TT Ba Tơ	1	10,0	2	4,0	14,0	161	140	14	7
17	Ba Vì	-	-	1	2,0	2,0	24	21	2	1
18	Ba Cung						-	-	-	

PHỤ LỤC 1.11

CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆPTHỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

DVT: triệu đồng

Stt	Huyện	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp												Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư		Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết		Xã khu vực I		Xã khu vực II		Xã khu vực III		Mô hình được thực hiện		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
																Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm					
TỔNG CỘNG															489,50	425,00	43,00	21,50
I	Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù														-	-	-	
II	Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN			39,9	199,5	2	2,0	1	1,5	15	45,0			248	489,50	425	43	21,5
1	Ba Trang			0,8	4,0		-			1	3,0			7,0	13,50	12	1	0,5
2	Ba Khâm			3,3	16,5		-			1	3,0			19,5	38,50	34	3	1,5
3	Ba Liên			-	-		-			1	3,0			3,0	7,50	6	1	0,5
4	Ba Thành			-	-		-			1	3,0			3,0	7,50	6	1	0,5
5	Ba Diên			0,8	4,0		-			1	3,0			7,0	13,60	12	1	0,6
6	Ba Vinh			0,8	4,0		-			1	3,0			7,0	13,60	12	1	0,6
7	Ba Nam			0,4	2,0		-			1	3,0			5,0	11,50	10	1	0,5
8	Ba Lễ			1,2	6,0		-			1	3,0			9,0	18,00	15	2	1
9	Ba Bích			-	-		-			1	3,0			3,0	7,30	6	1	0,3
10	Ba Tô			9,8	49,0		-			1	3,0			52,0	101,00	89	8	4
11	Ba Dinh			0,4	2,0		-			1	3,0			5,0	10,50	9	1	0,5
12	Ba Giang			4,9	24,5		-			1	3,0			27,5	54,40	47	5	2,4
13	Ba Ngạc			4,9	24,5		-			1	3,0			27,5	54,40	47	5	2,4
14	Ba Xa			6,1	30,5		-			1	3,0			33,5	66,00	57	6	3
15	Ba Tiêu			1,6	8,0		-			1	3,0			11,0	22,00	19	2	1

Stt	Huyện	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp													Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư		Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết		Xã khu vực I		Xã khu vực II		Xã khu vực III		Mô hình được thực hiện		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
																Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm					
16	TT Ba Tư			-	-	1	1,0							1,0	0,00	-	-	0
17	Ba Vì			4,9	24,5		-	1	1,5					26,0	50,20	44	4	2,2
18	Ba Cung			-	-	1	1,0							1,0	0,00	-	-	0

PHỤ LỤC 1.14
CHI TIẾT PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025
DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN;
KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Huyện	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp														Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số		Mỗi thôn vùng đồng bào DTTS có người có uy tín		Xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số		Thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III		Xã khu vực III		Xã khu vực II		Xã khu vực I		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
																		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm					
TỔNG CỘNG																	1.866,5	1.622,0	162,0	82,5
I	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	18	486,0	84	420,0											906	1.324,5	1.152	115	57,5
1	Ba Trang	1	27,0	5	25,0											52,0	76,5	66	7	3,5
2	Ba Khâm	1	27,0	3	15,0											42,0	61,5	54	5	2,5
3	Ba Liên	1	27,0	2	10,0											37,0	53,0	47	4	2
4	Ba Thành	1	27,0	4	20,0											47,0	69,0	60	6	3
5	Ba Điền	1	27,0	4	20,0											47,0	69,0	60	6	3
6	Ba Vinh	1	27,0	9	45,0											72,0	104,5	91	9	4,5
7	Ba Nam	1	27,0	3	15,0											42,0	61,5	54	5	2,5
8	Ba Lẻ	1	27,0	4	20,0											47,0	69,0	60	6	3
9	Ba Bích	1	27,0	5	25,0											52,0	76,5	66	7	3,5
10	Ba Tô	1	27,0	7	35,0											62,0	90,0	78	8	4
11	Ba Dinh	1	27,0	6	30,0											57,0	82,5	72	7	3,5
12	Ba Giang	1	27,0	3	15,0											42,0	61,5	54	5	2,5
13	Ba Ngạc	1	27,0	4	20,0											47,0	69,0	60	6	3
14	Ba Xa	1	27,0	7	35,0											62,0	90,0	78	8	4
15	Ba Tiêu	1	27,0	4	20,0											47,0	69,0	60	6	3
16	TT Ba Tơ	1	27,0	5	25,0											52,0	76,5	66	7	3,5
17	Ba Vi	1	27,0	5	25,0											52,0	76,5	66	7	3,5
18	Ba Cung	1	27,0	4	20,0											47,0	69,0	60	6	3

Stt	Huyện	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp														Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025				
		Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số		Mỗi thôn vùng đồng bào DTTS có người có uy tín		Xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số		Thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III		Xã khu vực III		Xã khu vực II		Xã khu vực I		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
																		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm					
II	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN					15	450,0	3	1,50							451,5	264,2	229	23	12,2
1	Ba Trang					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
2	Ba Khâm					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
3	Ba Liên					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
4	Ba Thành					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
5	Ba Điền					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
6	Ba Vinh					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
7	Ba Nam					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
8	Ba Lễ					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
9	Ba Bích					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
10	Ba Tô					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
11	Ba Dinh					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
12	Ba Giang					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
13	Ba Ngạc					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
14	Ba Xa					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
15	Ba Tiêu					1	30,0		-							30,0	17,3	15	1,5	0,8
16	TT Ba Tơ							2	1,00							1,0	4,7	4	0,5	0,2
17	Ba Vi							1	0,50							0,5	0,0	-	-	0
18	Ba Cung															-	0,0			0
III	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình									15	75,0	1	2,0	2	2,0	79	277,8	241	24	12,8
1	Ba Trang									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
2	Ba Khâm									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
3	Ba Liên									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
4	Ba Thành									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
5	Ba Điền									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
6	Ba Vinh									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
7	Ba Nam									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8

Stt	Huyện	Tiêu chí phân bổ vốn sự nghiệp															Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn năm 2025			
		Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số		Mỗi thôn vùng đồng bào DTTS có người có uy tín		Xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số		Thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III		Xã khu vực III		Xã khu vực II		Xã khu vực I		Tổng cộng điểm	Tổng vốn	Trong đó		
		Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Số lượng	Tổng số điểm			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
8	Ba Lẽ									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
9	Ba Bích									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
10	Ba Tô									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
11	Ba Đình									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
12	Ba Giang									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
13	Ba Ngạc									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
14	Ba Xa									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
15	Ba Tiêu									1	5,0		-		-	5,0	17,3	15	1,5	0,8
16	TT Ba Tơ										-		-	1	1,0	1,0	4,7	4	0,5	0,2
17	Ba Vi										-	1	2,0		-	2,0	8,9	8	0,5	0,4
18	Ba Cung										-			1	1,0	1,0	4,7	4	0,5	0,2